

**PHỤ LỤC****DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN TỪ NĂM 2027***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung hoạt động chính</b>	<b>Địa bàn triển khai (tỉnh)</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Dự kiến kết quả</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Trồng trọt - BVTV</b>					
<b>1.1</b>	<b>Nhóm Cây lương thực</b>					
1	Xây dựng mô hình sản xuất lúa chất lượng cao áp dụng quy trình giảm phát thải gắn với liên kết chuỗi phục vụ phát triển vùng nguyên liệu bền vững	<p>- Xây dựng mô hình sản xuất lúa chất lượng cao áp dụng quy trình giảm phát thải nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư đầu vào, giảm chi phí sản xuất, tăng giá trị gia tăng và góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh ngành nông nghiệp.</p> <p>- Tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp nhằm hình thành vùng nguyên liệu lúa hàng hóa tập trung, nâng cao thu nhập cho người sản xuất và phát triển bền vững ngành hàng lúa gạo.</p>	<p>1) Xây dựng mô hình sản xuất lúa chất lượng cao áp dụng quy trình giảm phát thải, thúc đẩy chuyển đổi xanh trong sản xuất lúa.</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.</p> <p>3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	Ninh Bình, Hưng Yên, Nghệ An, Gia Lai, Cần Thơ, An Giang.	2027-2029	<p>1) 900 ha mô hình sản xuất lúa chất lượng cao áp dụng quy trình giảm phát thải (vùng ĐBSH, ĐBSCL mỗi vùng 300 ha; Vùng Bắc Trung bộ, vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên mỗi vùng 150 ha). Năng suất tại vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long đạt <math>\geq 6,3</math> tấn/ha; tại vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đạt <math>\geq 5,5</math> tấn/ha. Hiệu quả kinh tế <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất ngoài mô hình.</p> <p>2) 06 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết giữa nông dân - HTX - doanh nghiệp, tiêu thụ <math>\geq 80\%</math> sản phẩm của dự án.</p> <p>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p> <p>4) Hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 30\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>

						6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.
2	Xây dựng mô hình sản xuất sắn giống mới năng suất cao, chống chịu bệnh khảm lá gắn với phát triển vùng nguyên liệu chế biến	<p>- Chuyển giao và nhân rộng một số giống sắn mới có năng suất cao, chống chịu bệnh khảm lá trên cơ sở áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất sắn.</p> <p>- Phát triển vùng nguyên liệu sắn ổn định gắn với công nghiệp chế biến và liên kết tiêu thụ giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, góp phần nâng cao giá trị gia tăng ngành hàng sắn.</p>	<p>1) Xây dựng mô hình thâm canh giống sắn mới (HN1, HN29, VA.2), năng suất cao, chống chịu bệnh khảm lá tại một số vùng trồng trọng điểm.</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	Thanh Hóa, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Tây Ninh	2027-2028	<p>1) 500 ha mô hình thâm canh giống sắn mới, chống chịu bệnh khảm lá. Năng suất củ tươi tại các vùng: Bắc Trung Bộ đạt <math>\geq 22</math> tấn/ha; Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đạt <math>\geq 25</math> tấn/ha; Đông Nam Bộ đạt <math>\geq 36</math> tấn/ha. Hàm lượng tinh bột <math>\geq 26\%</math>. Hiệu quả kinh tế <math>\geq 15\%</math> so với ngoài mô hình.</p> <p>2) 05 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ <math>\geq 80\%</math> sản phẩm của dự án</p> <p>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p> <p>4) Hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.</p>
3	Xây dựng mô hình sản xuất khoai lang giống mới theo hướng hàng hóa gắn với phát triển vùng nguyên liệu phục vụ chế	<p>- Chuyển giao và áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất khoai lang.</p> <p>- Phát triển vùng nguyên liệu khoai lang tập trung theo hướng hàng hóa</p>	<p>1) Xây dựng mô hình sản xuất giống khoai lang mới, năng suất cao, chất lượng tốt (Kago-TN1, Ayamurasaki, Beniazuma) gắn với tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p>	Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng	2027-2029	<p>1) 300 ha mô hình sản xuất khoai lang thương phẩm với năng suất đạt <math>\geq 30</math> tấn/ha, hiệu quả kinh tế tăng trên 15% so với sản xuất đại trà.</p> <p>2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ <math>\geq 80\%</math> sản phẩm của dự án.</p> <p>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p>

	biến và xuất khẩu	<p>gắn với chế biến và xuất khẩu.</p> <p>- Tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người sản xuất.</p>	<p>3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>			<p>4) Hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.</p>
4	Xây dựng mô hình sản xuất ngô sinh khối sử dụng giống mới năng suất cao gắn với phát triển vùng nguyên liệu phục vụ chăn nuôi và liên kết tiêu thụ sản phẩm.	<p>- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất ngô sinh khối thông qua việc sử dụng giống mới năng suất cao và áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất.</p> <p>- Phát triển vùng nguyên liệu ngô sinh khối theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ổn định, đáp ứng nhu cầu chế biến và chăn nuôi.</p> <p>- Tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp nhằm đảm bảo tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người sản xuất.</p>	<p>1) Xây dựng mô hình sản xuất ngô sinh khối sử dụng giống mới năng suất cao, chất lượng tốt (TM237, TM401, ĐH17-5, TM181) áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa trong sản xuất, bao gồm các khâu: làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến (băm, ủ chua).</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	Tuyên Quang, Hà Tĩnh, Gia Lai, Đắk Lắk, Tây Ninh	2027-2029	<p>1) 600 ha mô hình sản xuất ngô sinh khối với năng suất đạt <math>\geq 50</math> tấn/ha, hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất ngoài mô hình.</p> <p>2) 05 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, <math>\geq 80\%</math> diện tích mô hình áp dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất, liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án.</p> <p>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p> <p>4) Hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.</p>

1.2	Nhóm Cây công nghiệp dài ngày					
5	Xây dựng mô hình trồng mới cacao phục vụ phát triển vùng nguyên liệu bền vững	Phát triển vùng nguyên liệu cacao theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người sản xuất.	<p>1) Xây dựng mô hình trồng mới cacao áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, phù hợp với điều kiện từng vùng sinh thái.</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án.</p> <p>3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	Đắk Lắk; Đồng Nai; và Lâm Đồng	2027 - 2029	<p>1) 60 ha mô hình trồng mới cacao tại các tỉnh vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, tỷ lệ sống đạt <math>\geq 90\%</math>, chiều cao cây năm thứ 3 đạt <math>\geq 2,5</math> m, năng suất quả tươi năm thứ 3 đạt <math>\geq 12,0</math> tấn/ha.</p> <p>2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh.</p> <p>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p> <p>4) Hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.</p>
6	Xây dựng mô hình sản xuất chè chất lượng cao (PH8, Hương Bắc Sơn, Kim Tuyên, PH12, PH14, LCT1) theo tiêu chuẩn hữu cơ gắn với truy xuất nguồn gốc và	<p>- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất chè thông qua việc sử dụng giống chất lượng cao và áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, kết hợp các tiến bộ kỹ thuật trong canh tác và chế biến.</p> <p>- Nâng cao giá trị gia tăng, thu nhập cho</p>	<p>1) Xây dựng mô hình sản xuất chè sử dụng giống năng suất, chất lượng cao (PH8, Hương Bắc Sơn, Kim Tuyên, PH12, PH14, LCT1...) áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất chè hữu cơ.</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án.</p>	Phú Thọ, Lào Cai, Thái Nguyên, Tuyên Quang và Lai Châu	2027- 2029	<p>1) 75 ha mô hình thâm canh giống chè chất lượng cao (PH8, Hương Bắc Sơn, Kim Tuyên, PH12, PH14, LCT1...), thực hiện 3 năm liên tiếp trên cùng một điểm. Năm thứ 3 thực hiện dự án, trung bình năng suất mô hình đạt <math>\geq 6,0</math> tấn/ha, hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất đại trà. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ, gắn với truy xuất nguồn gốc.</p> <p>2) 05 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ <math>\geq 80\%</math> sản phẩm của dự án.</p>

	liên kết tiêu thụ sản phẩm	người sản xuất và bảo vệ môi trường.	<p>3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>			<p>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p> <p>4) Hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.</p>
<b>1.3</b>	<b>Nhóm Cây ăn quả</b>					
7	Xây dựng mô hình sản xuất dứa MD2 năng suất, chất lượng cao gắn với phát triển vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ tại các tỉnh Bắc Trung Bộ	<p>- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất dứa thông qua việc sử dụng giống mới năng suất, chất lượng cao và áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất.</p> <p>- Phát triển vùng nguyên liệu dứa theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người sản xuất.</p>	<p>1) Xây dựng mô hình sản xuất dứa MD2 năng suất, chất lượng cao tại các tỉnh Bắc Trung Bộ</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án.</p> <p>3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh	2027 - 2029	<p>1) 100 ha mô hình sản xuất dứa MD2; Tỷ lệ cây sống sau trồng đạt <math>\geq 95\%</math>; Năng suất tăng <math>\geq 10\%</math>, hiệu quả kinh tế <math>\geq 15\%</math> so với ngoài mô hình.</p> <p>2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ <math>\geq 80\%</math> sản phẩm của dự án.</p> <p>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p> <p>4) Hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 25\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.</p>
8	Xây dựng mô hình sản xuất một số cây ăn	- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất cây ăn quả	1) Xây dựng mô hình sản xuất một số cây ăn quả giống mới (táo Đại Mật 06, Na Hoàng	Sơn La, Điện Biên, Tuyên	2027- 2029	1) 100 ha mô hình sản xuất một số giống cây ăn quả mới chất lượng cao. Tối thiểu 50% sản phẩm mô hình đạt chứng nhận VietGAP.

	<p>quả giống mới chất lượng cao (táo, na, nhãn) gắn với liên kết chuỗi giá trị phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.</p>	<p>thông qua việc sử dụng giống mới chất lượng cao và áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất.</p> <p>- Góp phần hình thành vùng nguyên liệu cây ăn quả sử dụng giống mới theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với liên kết chuỗi giá trị, phục vụ tiêu thụ nội địa và định hướng xuất khẩu.</p> <p>- Nâng cao năng lực tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ của hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng và doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển sản xuất bền vững.</p>	<p>Hậu 1301, Nhân Ánh vàng 205)</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án.</p> <p>3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	<p>Quang, Thái Nguyễn</p>		<p>- Mô hình trồng mới: tỷ lệ cây sống sau trồng đạt <math>\geq 95\%</math>.</p> <p>- Mô hình thâm canh: năng suất tăng <math>\geq 10\%</math>, hiệu quả kinh tế <math>\geq 15\%</math> so với ngoài mô hình.</p> <p>2) 04 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ <math>\geq 50\%</math> sản phẩm của dự án.</p> <p>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p> <p>4) Hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 25\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.</p>
9	<p>Xây dựng mô hình sản xuất một số cây ăn quả chủ lực theo VietGAP (xoài, thanh long, mít) gắn với liên kết theo chuỗi giá trị.</p>	<p>- Ứng dụng tiến bộ mới về giống và kỹ thuật vào sản xuất cây ăn quả nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.</p> <p>- Nâng cao năng lực, vai trò của HTX/THT liên kết với tổ KNCD và</p>	<p>1) Xây dựng các mô hình sản xuất cây ăn quả chủ lực (xoài, thanh long, mít) theo VietGAP</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án.</p> <p>3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình.</p>	<p>Lâm Đông, Đông Tháp, Tây Ninh, An Giang</p>	<p>2027- 2029</p>	<p>1) 100 ha mô hình sản xuất một số cây ăn quả chủ lực đạt tiêu chuẩn VietGAP, có truy xuất nguồn gốc, trong đó:</p> <p>- Mô hình trồng, thâm canh giống mới (thanh long ruột trắng LD-18, mít Miền Đông 04): Tỷ lệ cây sống sau trồng đạt <math>\geq 95\%</math>. Năng suất năm thứ 3 tăng <math>\geq 10\%</math> so với sản xuất ngoài mô hình</p> <p>- Mô hình thâm canh (xoài, mít, thanh long) theo VietGAP: Năng suất tăng <math>\geq 10\%</math> so với sản xuất ngoài mô hình</p>

		doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung, bền vững.	4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.			- Hoàn thiện hồ sơ đăng ký cấp mã số vùng trồng gửi sang nước nhập khẩu đề nghị cấp mã số. - Hiệu quả kinh tế các mô hình tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 04 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 50\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 25\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.
<b>1.4</b>	<b>Nhóm Rau hoa màu và Cây công nghiệp ngắn ngày</b>					
10	Xây dựng mô hình sản xuất nấm giống mới năng suất, chất lượng cao (Vân chi - TvDA1) gắn với liên kết tiêu thụ và phát triển bền vững	- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nấm thông qua việc đưa các giống nấm mới năng suất, chất lượng cao vào sản xuất và áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật. - Phát triển sản xuất nấm theo hướng hàng hóa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, góp phần nâng cao giá	1) Xây dựng mô hình sản xuất nấm giống mới năng suất, chất lượng cao (Vân chi - TvDA1). 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biên giới	Phú Thọ, Nghệ An, Thanh Hoá	2027-2029	1) 700 tấn nguyên liệu giống nấm mới chất lượng cao (Vân chi - TvDA1): năng suất tối thiểu đạt 30 kg nấm khô/tấn nguyên liệu, có hàm lượng hoạt chất chính là Polysaccharides tổng số $\geq 5\%$ ( $\geq 5$ mg/100g) và $\beta$ -glucan $\geq 10\%$ ( $\geq 10$ mg/100g). - Hiệu quả kinh tế các mô hình cao hơn ngoài mô hình $\geq 15\%$ . 2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết mô hình.

		trị gia tăng và phát triển bền vững.	thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.			4) Các hội nghị, hội thảo, bảng biểu mô hình, video clip, tờ rơi kỹ thuật để phổ biến kết quả 5) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.
11	Xây dựng mô hình sản xuất rau ăn quả giống mới năng suất, chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ	- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất rau ăn quả thông qua áp dụng giống mới năng suất, chất lượng cao và quy trình kỹ thuật đạt tiêu chuẩn VietGAP. - Hình thành và phát triển vùng xuất rau hàng hóa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người sản xuất.	1) Xây dựng mô hình sản xuất rau ăn quả giống mới năng suất, chất lượng cao (dưa lưới Hoàng Ngân; dưa chuột Thiên Hương 1, VA.886 New, VC09, Bí đỏ hạt đậu trái dài AM48, Bí đỏ Mật Sao 2) đạt tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.	Sơn La, Hưng Yên, Ninh Bình, Đồng Nai, Gia Lai,	2027-2029	1) 200 ha mô hình sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGAP phục vụ nội tiêu và xuất khẩu. - 20 ha mô hình sản xuất giống dưa lưới Hoàng Ngân trong điều kiện nhà màng năng suất đạt $\geq 35$ tấn/ha/vụ, chất lượng đạt tiêu chuẩn VietGAP; - 100 ha mô hình sản xuất xuất giống dưa chuột mới (Thiên Hương 1, VA.886 New, VC09) trong điều kiện đồng ruộng năng suất đạt $\geq 40$ tấn/ha/vụ, chất lượng đạt tiêu chuẩn VietGAP; - 80 ha mô hình sản xuất bí quả giống mới (Bí đỏ hạt đậu trái dài AM48, Bí đỏ Mật Sao 2), năng suất đạt $\geq 25$ tấn/ha, chất lượng đạt tiêu chuẩn VietGAP; - Hiệu quả kinh tế các mô hình rau ăn quả giống mới cao hơn ngoài mô hình $\geq 20\%$ . 2) 05 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết giữa các đơn vị sản xuất với các doanh nghiệp tiêu thụ $\geq 80\%$ tổng sản phẩm mô hình. 3) Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết mô hình. 4) Các hội nghị, hội thảo, bảng biểu mô hình, video clip, tờ rơi kỹ thuật để phổ biến kết quả 5) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.

						6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.
12	Xây dựng mô hình sản xuất hoa lan hồ điệp thương phẩm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ số gắn với liên kết chuỗi giá trị	<p>- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ số trong sản xuất hoa lan hồ điệp thương phẩm, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và thúc đẩy chuyển giao khoa học công nghệ, thực hiện Nghị quyết số 57.</p> <p>- Nâng cao năng lực cho nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong việc tiếp cận, làm chủ quy trình kỹ thuật và công nghệ số trong sản xuất hoa lan hồ điệp.</p> <p>- Thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị, hình thành mô hình sản xuất hoa lan hồ điệp ứng dụng công nghệ số theo hướng hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.</p>	<p>1) Xây dựng mô hình sản xuất hoa lan hồ điệp thương phẩm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ số trong nhà lưới/nhà kính (tự động điều khiển nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng; giám sát môi trường; truy xuất nguồn gốc...).</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	Lâm Đồng, Đắk Lắk	2027-2028	<p>1) 2,0 ha (500.000 chậu hoa) giống mới các chủng loại hoa lan hồ điệp chất lượng hoa cao ứng dụng chuyên đổi số và truy xuất nguồn gốc. Thu nhập mô hình đạt <math>\geq 2,5</math> tỷ đồng/ha/năm, hiệu quả kinh tế cao hơn <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất ngoài mô hình.</p> <p>2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ <math>\geq 80\%</math> sản phẩm của dự án.</p> <p>3) Tổ chức đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết mô hình.</p> <p>4) Các hội nghị, hội thảo, băng biển mô hình, video clip, tờ rơi kỹ thuật để phổ biến kết quả</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.</p>
13	Xây dựng mô hình sản xuất cây đậu đỗ gắn với phát triển vùng nguyên liệu phục vụ	<p>- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất cây đậu đỗ thông qua phát triển giống phù hợp và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, góp phần cải tạo đất và</p>	<p>1) Xây dựng mô hình sản xuất cây đậu đỗ (giống lạc L27, L32, L33; giống đậu tương ĐT32, ĐT33, Vinasoy 02-NS; giống đậu xanh ĐX21, ĐX23), phục vụ phát triển</p>	Tuyên Quang, Phú Thọ, Ninh Bình, Hà Nội,	2027 - 2029	<p>1) 200 ha mô hình sản xuất lạc, năng suất đạt <math>\geq 3,5</math> tấn/ha; 150 ha mô hình sản xuất đậu tương, năng suất đạt <math>\geq 2,0</math> tấn/ha, 50 ha mô hình đậu xanh, năng suất đạt <math>\geq 1,5</math> tấn/ha; Tối thiểu 50% tổng diện tích sản xuất được chứng nhận VietGAP.</p>

	chế biến và sản phẩm OCOP	phát triển sản xuất bền vững. - Hình thành và phát triển vùng nguyên liệu cây đậu đỗ gắn với chế biến và sản phẩm OCOP, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người sản xuất.	vùng nguyên liệu và sản phẩm OCOP tại các địa phương. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.	Thanh Hoá.		- Hiệu quả kinh tế các mô hình cao hơn ngoài mô hình $\geq 15\%$ . 2) 05 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biển mô hình, tin bài để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với tổ chức khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng.
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y:</b>					
<b>2.1</b>	<b>Nhóm Chăn nuôi gia cầm, thủy cầm</b>					
14	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi gà hướng trứng thương phẩm đạt chứng nhận VietGAHP, ứng dụng công nghệ số, gắn với chuỗi giá trị	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi gà hướng trứng thương phẩm đạt chứng nhận VietGAHP, ứng dụng công nghệ số, gắn với liên kết chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất; bảo đảm an toàn thực phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong	1. Xây dựng mô hình chăn nuôi gà hướng trứng thương phẩm đạt chứng nhận VietGAHP, ứng dụng công nghệ số. 2. Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3. Xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. 4. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở	Hà Nội, Phú Thọ	2027-2029	1) Xây dựng được 06 mô hình chăn nuôi gà hướng trứng thương phẩm (CZG234, CZA112) đạt chứng nhận VietGAHP, ứng dụng công nghệ số, gắn với chuỗi giá trị, quy mô 120.000 con. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: tỷ lệ nuôi sống đến lúc đẻ $\geq 90\%$ ; năng suất trứng/mái/năm $\geq 245$ quả, tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng $\leq 2,0$ kg. - 100% cơ sở/hộ/nhóm hộ tham gia mô hình đạt chứng nhận VietGAHP. - Tối thiểu 50% cơ sở/hộ tham gia mô hình ứng dụng công nghệ số và sản phẩm trứng trong mô hình có mã QR truy xuất nguồn gốc. 2) Tối thiểu 02 mô hình tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án.

		chăn nuôi và phát triển ngành chăn nuôi theo hướng hiện đại, bền vững.	và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 5. Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.			3) 100% cơ sở/hộ/nhóm hộ tham gia mô hình sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng. 4) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà (VietGAHP chăn nuôi gà), kỹ thuật chăn nuôi gà hướng trứng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. 5) Thông tin tuyên truyền: Hội nghị tổng kết, hội thảo đầu bờ, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật, tin bài,... 6) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
15	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi ngan thịt thương phẩm đạt chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh đồng bằng sông Hồng	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi ngan thịt thương phẩm đạt chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm kiểm soát dịch bệnh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế và bảo đảm an toàn thực phẩm.	1. Xây dựng mô hình chăn nuôi ngan thịt thương phẩm đạt chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. 2. Tổ chức chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi; khuyến nông cơ sở. 4. Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Bắc Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình	2027-2029	1) Xây dựng được 09 mô hình chăn nuôi ngan thịt thương phẩm (từ hai dòng ngan R51 và R71), đạt chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 60.000 con. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt lúc 11 tuần tuổi: tỷ lệ nuôi sống đến giết thịt $\geq 90\%$ ; Khối lượng cơ thể ngan trống $\geq 4,0$ kg, ngan mái $\geq 2,5$ kg; Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 2,9$ kg. - 100% cơ sở/hộ/nhóm hộ tham gia mô hình đạt chứng nhận VietGAHP. 2) Tối thiểu 03 mô hình tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) Người chăn nuôi và khuyến nông cơ sở được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi ngan thương phẩm theo VietGAHP.

						<p>4) Thông tin tuyên truyền: Hội nghị tổng kết, hội thảo đầu bờ, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật, tin bài,...</p> <p>5) Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>
16	Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt siêu trứng VST theo hướng nông nghiệp tuần hoàn gắn với hệ thống canh tác lúa tại Đồng bằng sông Cửu Long	Phát triển vùng chăn nuôi vịt siêu trứng VST theo hướng nông nghiệp tuần hoàn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm và bảo vệ môi trường.	<p>1. Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt siêu trứng VST theo hướng nông nghiệp tuần hoàn.</p> <p>2. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng.</p> <p>3. Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p>	Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang.	2027-2029	<p>1) Xây dựng được 06 mô hình chăn nuôi vịt siêu trứng VST theo hướng nông nghiệp tuần hoàn (mô hình vịt-lúa), quy mô 45.000 con mái sinh sản. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: năng suất trứng đạt 280 quả/mái/năm; tiêu tốn thức ăn/10 trứng <math>\leq 2,2</math> kg.</p> <p>2) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi vịt siêu trứng VST và chăn nuôi theo hướng tuần hoàn.</p> <p>3) Thông tin tuyên truyền: Hội nghị tổng kết, hội thảo đầu bờ, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật, tin bài,...</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>
<b>2.2</b>	<b>Nhóm Chăn nuôi lợn</b>					
17	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh động vật gắn với liên kết chuỗi giá trị	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh động vật thông qua áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học và kiểm soát dịch bệnh, gắn với liên kết chuỗi giá trị nhằm nâng cao	<p>1. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn đạt chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật đối với bệnh đăng ký (LMLM, DTL cổ điển,...)</p> <p>2. Tổ chức chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người</p>	Đồng Nai, Lâm Đồng	2027-2029	<p>1) Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn đạt chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật đối với bệnh LMLM, DTL cổ điển. Quy mô 30.000 con, 20 - 25 cơ sở chăn nuôi. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ nuôi sống <math>\geq 95\%</math>;</li> <li>- Tỷ lệ đáp ứng miễn dịch <math>\geq 70\%</math>, bảo đảm miễn dịch bảo hộ cho đàn lợn trong mô hình.</li> </ul>

		năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.	chăn nuôi, khuyến nông cơ sở. 4. Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.			- 100% cơ sở chăn nuôi tham gia mô hình đạt chứng nhận an toàn dịch bệnh; 2) 02 mô hình tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) Người chăn nuôi và khuyến nông cơ sở được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi lợn an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. 4) Thông tin tuyên truyền: Hội nghị tổng kết, hội thảo đầu bờ, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật, tin bài,... 5) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
<b>2.3</b>	<b>Nhóm Chăn nuôi bò</b>					
18	Xây dựng mô hình cải tạo đàn bò bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, sử dụng tinh bò đực ngoại chất lượng cao nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm	Nâng cao năng suất, chất lượng đàn bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo góp phần tăng hiệu quả và phát triển chăn nuôi bền vững.	1. Xây dựng mô hình cải tạo đàn bò bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, sử dụng tinh bò đực ngoại chất lượng cao (Senepol). 2. Xử lý chất thải chăn nuôi làm phân bón cho cây trồng. 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở. 4. Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Thái Nguyên, Tuyên Quang	2027-2029	1) Xây dựng mô hình cải tạo đàn bò bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, sử dụng tinh bò đực ngoại chất lượng cao (Senepol), quy mô 1.200 bò cái nền được thụ tinh nhân tạo. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Tỷ lệ bò phối chửa lần 1 $\geq 60\%$ ; tỷ lệ nuôi sống đến 6 tháng tuổi $\geq 90\%$ , khối lượng bê lai sơ sinh $\geq 24$ kg/con. 2) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình được xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng. 3) Người chăn nuôi và khuyến nông cơ sở được tập huấn về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho bò, kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản. 4) Thông tin tuyên truyền: Hội nghị tổng kết, hội thảo đầu bờ, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật, tin bài,... 5) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.

19	Xây dựng mô hình chăn nuôi vỗ béo bò thịt theo hướng kinh tế tuần hoàn	Xây dựng mô hình chăn nuôi vỗ béo bò thịt theo hướng kinh tế tuần hoàn, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt, tăng hiệu quả kinh tế; góp phần giảm phát thải khí nhà kính và hạn chế ô nhiễm môi trường.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng mô hình chăn nuôi vỗ béo bò thịt theo hướng kinh tế tuần hoàn.</li> <li>2. Xử lý chất thải chăn nuôi nhằm góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.</li> <li>3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở.</li> <li>4. Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> </ol>	Sơn La, Cao Bằng, Thanh Hóa	2027-2029	<p>1) Xây dựng được 09 mô hình chăn nuôi vỗ béo bò thịt theo hướng kinh tế tuần hoàn (mô hình bò → xử lý phân → trồng ngô sinh khối → làm thức ăn → bò), góp phần giảm phát thải khí nhà kính. Quy mô 1.500 con đạt các chỉ tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng tăng khối lượng <math>\geq 750\text{g/con/ngày}</math></li> <li>- 100% cơ sở chăn nuôi tham gia mô hình được xử lý chất thải làm phân bón cho ngô sinh khối và các cây trồng khác.</li> <li>- Xây dựng mô hình trồng ngô sinh khối làm thức ăn cho bò. Quy mô 18 ha, năng suất sinh khối đạt trung bình 50 tấn/ha. Áp dụng quy trình ủ chua ngô sinh khối làm thức ăn cho bò.</li> </ul> <p>2) Người chăn nuôi và khuyến nông cơ sở được tập huấn về chăn nuôi bò thịt theo hướng kinh tế tuần hoàn.</p> <p>3) Thông tin tuyên truyền: Hội nghị tổng kết, hội thảo đầu bờ, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật, tin bài,...</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà;</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 15\%</math> so với quy mô được phê duyệt.</p>
20	Phát triển các mô hình chăn nuôi tạo sinh kế bền vững cho người dân các tỉnh miền núi phía Bắc	Xây dựng và phát triển các mô hình chăn nuôi theo hướng hữu cơ và an toàn sinh học, góp phần tạo sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân khu vực miền núi phía Bắc.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng mô hình chăn nuôi gà đen BT3-TĐ thương phẩm an toàn sinh học.</li> <li>2. Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản theo hướng hữu cơ.</li> <li>3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở</li> </ol>	Lào Cai, Điện Biên, Tuyên Quang	2027-2029	<p>1) Xây dựng được 06 mô hình chăn nuôi gà đen BT3-TĐ thương phẩm an toàn sinh học, quy mô 67.500 con.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật lúc 16 tuần tuổi cần đạt: Tỷ lệ nuôi sống <math>\geq 93\%</math>, khối lượng cơ thể <math>\geq 1,75\text{ kg/con}</math>, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng <math>\leq 3,8\text{ kg}</math>.</li> </ul> <p>2) Xây dựng được 03 mô hình chăn nuôi dê sinh sản theo hướng hữu cơ, với quy mô 15 con dê đực (lai Boer), 300 con dê cái (Bách Thảo).</p>

			<p>và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng.</p> <p>4. Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p>			<p>- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Số lúa đẻ: <math>\geq 1,6</math> lúa/cái/năm; Khối lượng dê con sơ sinh <math>\geq 2,3</math> kg/con; Tỷ lệ nuôi sống đến 3 tháng tuổi <math>\geq 90\%</math>.</p> <p>3) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về quy trình chăn nuôi theo hướng hữu cơ và an toàn sinh học.</p> <p>4) Thông tin tuyên truyền: Hội nghị tổng kết, hội thảo đầu bờ, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật, tin bài,...</p> <p>5) Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 10\%</math> so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng <math>\geq 15\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Khuyến ngư và Ngành nghề nông thôn:</b>					
<b>3.1</b>	<b>Nhóm Nuôi tôm nước lợ:</b>					
21	Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ số góp phần giảm phát thải.	Phát triển nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ IoT, kết hợp giải pháp quản lý chất thải, góp phần giảm ô nhiễm môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất tôm thẻ.	<p>1. Xây dựng mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ IoT trong giám sát và quản lý các yếu tố môi trường nước (nhiệt độ, pH, DO, độ mặn, các chỉ tiêu chất lượng nước ...), góp phần ổn định môi trường nuôi.</li> <li>- Ứng dụng các giải pháp sử dụng thức ăn hiệu quả, thu gom và xử lý chất thải góp phần giảm ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.</li> </ul> <p>2. Tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</p>	Ninh Bình, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, TP Huế	2027-2029	<p>1) Thực hiện <math>\geq 15</math> ha mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ IoT góp phần giảm phát thải và bảo vệ môi trường, đạt các chỉ tiêu kỹ thuật: Cỡ thu hoạch <math>\leq 60</math> con/kg; Năng suất <math>\geq 20</math> tấn/ha.</p> <p>2) Xây dựng được <math>\geq 05</math> chuỗi tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3) Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân, cán bộ khuyến nông cơ sở/thành viên tổ khuyến nông cộng đồng; Tổ chức tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 15 % so với ngoài mô hình.</p>

			3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng mô hình.			5) Nhân rộng mô hình tối thiểu 20% so với quy mô dự án được phê duyệt.
22	Xây dựng mô hình nuôi tôm nước lợ bền vững theo chuỗi giá trị	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, sản phẩm công nghệ sinh học xây dựng mô hình sản xuất tôm nước lợ bền vững gắn với tổ chức sản xuất, liên kết hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.	<p>1. Xây dựng mô hình: - Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, sản phẩm công nghệ sinh học nuôi tôm nước lợ theo quy trình VietGAP, sử dụng hiệu quả thức ăn, nước và vật tư đầu vào; hạn chế sử dụng hóa chất, kháng sinh.</p> <p>2. Tổ chức lại sản xuất nuôi tôm nước lợ theo hướng liên kết hợp tác; phát triển các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động hiệu quả, gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.</p> <p>3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng mô hình.</p>	Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau, An Giang	2027- 2029	<p>1) Nuôi tôm nước lợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, sản phẩm công nghệ sinh học, theo các phương thức nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nuôi tôm sú - lúa, quy mô 90 ha. Đạt các chỉ tiêu kỹ thuật: cỡ thu hoạch <math>\leq 30</math> con/kg, năng suất <math>\geq 600</math> kg/ha</li> <li>- Nuôi tôm sú trong rừng ngập mặn, quy mô 90 ha. Đạt các chỉ tiêu kỹ thuật: cỡ thu hoạch <math>\leq 30</math> con/kg, năng suất <math>\geq 500</math> kg/ha;</li> <li>- Nuôi tôm sú bán thâm canh, quy mô 10 ha. Đạt các chỉ tiêu kỹ thuật: cỡ thu hoạch <math>\leq 30</math> con/kg, năng suất <math>\geq 1</math> tấn/ha</li> <li>- Nuôi tôm sú thâm canh, quy mô 10 ha. Đạt các chỉ tiêu kỹ thuật: cỡ thu hoạch <math>\leq 30</math> con/kg, năng suất <math>\geq 3</math> tấn/ha</li> <li>- <math>\geq 80\%</math> sản phẩm đạt chứng nhận VietGAP</li> </ul> <p>2) Xây dựng <math>\geq 04</math> chuỗi tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3) Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân, cán bộ khuyến nông cơ sở/thành viên tổ khuyến nông cộng đồng, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>4) Hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 15 % so với ngoài mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình tối thiểu 20% so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>

3.2	Nhóm Nuôi thủy sản mặn lợ:					
23	<p>Xây dựng mô hình nuôi cá biển bằng lồng HDPE đạt chứng nhận VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm</p>	<p>Phát triển nghề nuôi cá bằng lồng HDPE trên biển, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, góp phần chuyển đổi nghề cho ngư dân ven biển.</p>	<p>1. Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Sủ đất (<i>Protonibea diacanthus</i> Lacepède 1802), cá Chim vây vàng (<i>Trachinotus spp</i>) đạt chứng nhận VietGAP. 2. Tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án để phổ biến nhân rộng mô hình.</p>	<p>Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Đắk Lắk</p>	<p>2027-2029</p>	<p>1) Xây dựng mô hình: quy mô <math>\geq 6.000 \text{ m}^3</math> lồng HDPE nuôi cá biển: - Cá Chim vây vàng: Quy mô <math>\geq 4.000 \text{ m}^3</math>. Đạt các chỉ tiêu: cỡ thu hoạch <math>\geq 600\text{g/con}</math>; năng suất <math>\geq 13,5 \text{ kg/m}^3</math>. - Cá sủ đất: Quy mô <math>\geq 2.000 \text{ m}^3</math>. Đạt các chỉ tiêu: cỡ thu hoạch <math>\geq 3,5 \text{ kg/con}</math>; năng suất <math>\geq 18,5 \text{ kg/m}^3</math>. - <math>\geq 70\%</math> sản phẩm đạt chứng nhận VietGAP 2) Xây dựng được <math>\geq 03</math> chuỗi tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. 3) Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân, cán bộ khuyến nông cơ sở/thành viên tổ khuyến nông cộng đồng; Tổ chức tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 4) Hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 15\%</math> so với ngoài mô hình. 5) Nhân rộng mô hình tối thiểu 20% so với quy mô dự án được phê duyệt.</p>
24	<p>Xây dựng mô hình trồng rong sụn thương phẩm kết hợp sơ chế, bảo quản và chế biến một số sản phẩm theo chuỗi liên kết tiêu thụ</p>	<p>- Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển nghề trồng, sơ chế, bảo quản và chế biến rong sụn nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, chuyển đổi nghề cho ngư dân ven biển. - Hình thành chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm</p>	<p>1. Xây dựng mô hình trồng rong sụn (<i>Kappaphycus alvarezii</i>) thương phẩm từ giống nuôi cấy mô; thu hoạch, sơ chế, bảo quản và chế biến một số sản phẩm từ rong sụn. 2. Hình thành chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự</p>	<p>Quảng Ninh, Đắk Lắk, An Giang</p>	<p>2027-2029</p>	<p>1) Xây dựng mô hình: Quy mô <math>\geq 10 \text{ ha}</math> trồng rong sụn thương phẩm từ giống nuôi cấy mô. Đạt các chỉ tiêu kỹ thuật: cỡ thu hoạch 0,6-1,0 kg/ bụi rong; năng suất <math>\geq 30 \text{ tấn tươi/ha/vụ}</math>. 2) Xây dựng được <math>\geq 02</math> chuỗi tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ rong sụn (rong sụn khô, carrageenan, ...). 3) Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân và cán bộ khuyến nông cơ sở/thành viên tổ khuyến nông cộng đồng, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên</p>

			án để phổ biến nhân rộng mô hình.			truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 4) Hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 15% so với ngoài mô hình. 5) Nhân rộng mô hình tối thiểu 20% so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Sản phẩm rong sụn khô đạt chỉ tiêu độ ẩm < 40%, hàm lượng Carrageenan $\geq$ 20% chất khô.
<b>3.3</b>	<b>Nhóm Nuôi thủy sản nước ngọt:</b>					
25	Xây dựng mô hình nuôi thủy đặc sản nước ngọt trong lồng bè trên sông và hồ chứa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh miền Bắc.	Phát triển mô hình nuôi thủy đặc sản trong lồng bè tại lưu vực sông và hồ chứa nhằm phát huy lợi thế mặt nước, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho người nuôi, gắn với du lịch sinh thái tại địa phương.	1. Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Nheo mỹ ( <i>Ictalurus punctatus</i> ), cá Tầm ( <i>Acipenser</i> sp.) trong lồng bè trên sông và hồ chứa. 2. Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn tham quan, tổng kết, tuyên truyền kết quả dự án phổ biến nhân rộng mô hình.	Sơn La, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hải Phòng	2027-2029	1) Xây dựng mô hình: Quy mô $\geq$ 10.000 m <sup>3</sup> lồng bè nuôi thủy đặc sản trên sông và hồ chứa: - Cá Tầm: quy mô 3.000 m <sup>3</sup> . Đạt các chỉ tiêu: cỡ thu hoạch đạt $\geq$ 1,8 kg/con, năng suất $\geq$ 6 kg/m <sup>3</sup> . - Cá Nheo Mỹ: quy mô 7.000 m <sup>3</sup> . Đạt các chỉ tiêu: cỡ thu hoạch đạt $\geq$ 1,5 kg/con, năng suất tối thiểu 12 kg/m <sup>3</sup> . 2) Xây dựng được $\geq$ 03 chuỗi tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. 3) Gắn hoạt động của dự án với du lịch trải nghiệm trên các hồ chứa lớn. 4) Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân, cán bộ khuyến nông cơ sở/thành viên tổ khuyến nông cộng đồng, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq$ 15% so với ngoài mô hình. 6) Nhân rộng mô hình hình tối thiểu 20% so với quy mô dự án được phê duyệt.

<b>3.4</b>	<b>Nhóm Khai thác hải sản xa bờ, bảo quản sản phẩm, chế biến:</b>					
26	Xây dựng mô hình ứng dụng cơ giới hóa, hiện đại hóa trong khai thác, bảo quản hải sản trên tàu cá xa bờ.	Ứng dụng cơ giới hóa, hiện đại hóa trên tàu khai thác hải sản giúp nâng cao năng suất, giảm lao động thủ công, tăng thời gian tàu đi biển, giảm thất thoát sau thu hoạch và nâng cao hiệu quả sản xuất.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng các công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> <li>Ứng dụng máy tời thủy lực thu lưới chụp và lưới rê tầng đáy.</li> <li>Ứng dụng công nghệ hàm bảo quản CPF (Composite Pufoam).</li> </ul> </li> <li>Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho ngư dân tham gia mô hình và ngư dân có nhu cầu.</li> <li>Tổ chức hội thảo, hội nghị tổng kết, thông tin tuyên truyền để nhân rộng mô hình.</li> </ol>	TP Hải Phòng, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Trị, TP. Huế	2027-2029	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình: <ul style="list-style-type: none"> <li>Ứng dụng máy tời thủy lực thu lưới chụp, quy mô: 06 bộ, lực kéo tối thiểu 6 tấn.</li> <li>Ứng dụng máy tời thu lưới rê tầng đáy, quy mô: 03 bộ, lực kéo tối thiểu 3 tấn.</li> <li>Ứng dụng công nghệ hàm bảo quản CPF, quy mô: 36 hàm, thể tích <math>\geq 20m^3</math>/hàm.</li> </ul> </li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân, cán bộ khuyến nông cơ sở/thành viên tổ khuyến nông cộng đồng, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> <li>Giảm ít nhất 01 lao động/tàu; hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 15% so với sản xuất đại trà.</li> <li>Nhân rộng mô hình tối thiểu 20% so với quy mô được duyệt.</li> </ol>
<b>3.5</b>	<b>Nhóm Ngành nghề nông thôn, nghề muối:</b>					
27	Tổ chức sản xuất, sơ chế, chế biến và liên kết tiêu thụ muối tại một số tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ứng dụng giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất muối.</li> <li>Liên kết sản xuất, cùng cố phát triển nghề muối tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.</li> </ul>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng các mô hình liên kết sản xuất muối phơi nước phân tán.</li> <li>Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm muối.</li> <li>Tổ chức tập huấn, đào tạo thăm quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhân rộng mô hình.</li> </ol>	Cà Mau, Vĩnh Long	2027 - 2029	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng mô hình liên kết sản xuất muối phơi nước phân tán, quy mô 12 ha, năng suất đạt <math>\geq 90</math> tấn/ha.</li> <li>Hình thành <math>\geq 02</math> chuỗi tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Liên kết tiêu thụ <math>\geq 70\%</math> sản phẩm muối.</li> <li>Tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân, cán bộ khuyến nông cơ sở/ thành viên tổ khuyến nông cộng đồng, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> <li>Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất ngoài mô hình.</li> </ol>

						5) Nhân rộng mô hình với số lượng tối thiểu 20% so với quy mô dự án được duyệt.
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>					
28	Xây dựng mô hình trồng rừng gỗ lớn sử dụng giống Keo lai mới, chất lượng cao và Vù hương theo hướng quản lý rừng bền vững.	<p>- Nâng cao chất lượng rừng trồng thông qua sử dụng giống Keo lai mới, chất lượng cao và Vù hương kết hợp áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh theo định hướng kinh doanh gỗ lớn và quản lý rừng bền vững.</p> <p>- Thúc đẩy áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh và quản lý rừng bền vững trong trồng rừng gỗ lớn bằng Keo lai và Vù hương, góp phần phát triển vùng nguyên liệu gỗ lớn theo hướng hiệu quả, ổn định và bền vững.</p>	<p>1) Xây dựng mô hình trình diễn trồng cây Keo lai mới và Vù hương.</p> <p>2) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>3) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>4) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh	2027-2029	<p>1) 180 ha mô hình trồng rừng gỗ lớn thâm canh (Keo lai và Vù hương) theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, đáp ứng tối thiểu 18 chỉ số theo Bộ tiêu chuẩn VFCS/PEFC ST 1003:2019; hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 30\%</math> so với trồng rừng gỗ nhỏ, trong đó:</p> <p>a) 06 mô hình trồng Keo lai bằng các giống mới (BV523, BV584, BV434, BV333, BV340), với tổng quy mô 120 ha, bình quân 20 ha/mô hình; triển khai tại 03 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh, mỗi tỉnh 02 mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ sống của mô hình: năm thứ nhất đạt <math>\geq 90\%</math>; năm thứ hai và năm thứ ba đạt <math>\geq 85\%</math>.</li> <li>- Sau 24 tháng trồng: sinh trưởng bình quân đạt <math>D1.3 \geq 4</math> cm, Hvn <math>\geq 4,0</math> m; năng suất đạt <math>\geq 10</math> m<sup>3</sup>/ha/năm.</li> <li>- Sau 30 tháng trồng: sinh trưởng bình quân đạt <math>D1.3 \geq 8</math> cm, Hvn <math>\geq 9,0</math> m; năng suất đạt <math>\geq 25</math> m<sup>3</sup>/ha/năm.</li> </ul> <p>b) 06 mô hình trồng cây Vù hương với tổng quy mô 60 ha, bình quân 10 ha/mô hình; triển khai tại 03 tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa và Hà Tĩnh, mỗi tỉnh 02 mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ sống của mô hình: năm thứ nhất đạt <math>\geq 90\%</math>; năm thứ hai và năm thứ ba đạt <math>\geq 85\%</math>.</li> <li>- Sau 24 tháng trồng: sinh trưởng bình quân đạt <math>D00 \geq 1,0</math> cm, Hvn <math>\geq 1,5</math> m.</li> </ul>

						<p>- Sau 30 tháng trồng: sinh trưởng bình quân đạt <math>D00 \geq 3,0</math> cm, <math>Hvn \geq 3,0</math> m.</p> <p>2) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p> <p>3) Các hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, tin bài để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>4) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>5) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.</p>
29	Xây dựng mô hình sản xuất cây lâm sản ngoài gỗ (mắc ca, tre ngọt, trám đen) theo hướng VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh miền núi phía Bắc	<p>- Phát triển mô hình sản xuất cây mắc ca, tre ngọt, trám đen theo hướng VietGAP nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế cho người trồng.</p> <p>- Thúc đẩy liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mắc ca, tre ngọt, trám đen giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, góp phần phát triển vùng nguyên liệu bền vững tại các tỉnh miền núi phía Bắc.</p>	<p>1) Xây dựng mô hình trình diễn trồng Mắc ca, tre ngọt và trám đen theo hướng VietGAP.</p> <p>2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lạng Sơn, Phú Thọ	2027-2029	<p>1) 170 ha mô hình trồng mới cây Mắc ca, Tre ngọt và Trám đen theo hướng VietGAP, bảo đảm hiệu quả kinh tế tăng <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất đại trà. Tỷ lệ sống của các mô hình: năm thứ nhất đạt <math>\geq 90\%</math>; năm thứ hai và năm thứ ba đạt <math>\geq 85\%</math>, trong đó:</p> <p>a) 06 mô hình trồng mới cây Mắc ca với tổng quy mô 90 ha, bình quân 15 ha/mô hình; triển khai tại 03 tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu, mỗi tỉnh 02 mô hình:</p> <p>- Sau 24 tháng trồng: sinh trưởng bình quân đạt <math>D00 \geq 2,0</math> cm, <math>Hvn \geq 1,5</math> m.</p> <p>- Sau 30 tháng trồng: sinh trưởng bình quân đạt <math>D00 \geq 2,5</math> cm, <math>Hvn \geq 2,0</math> m; tỷ lệ cây ra hoa bói đạt <math>\geq 20\%</math>.</p> <p>b) 04 mô hình trồng mới cây Tre ngọt với tổng quy mô 40 ha, bình quân 10 ha/mô hình; triển khai tại 02 tỉnh Phú Thọ và Lạng Sơn, mỗi tỉnh 02 mô hình:</p> <p>- Rừng trồng sau 18 tháng tuổi: số lượng măng trung bình đạt 1–2 măng/bụi.</p>

						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rừng trồng sau 24 tháng tuổi: số lượng măng trung bình đạt 2–3 măng/bụi.</li> <li>- Rừng trồng sau 30 tháng tuổi: số lượng măng trung bình đạt 3–4 măng/bụi; năng suất măng đạt <math>\geq 400</math> kg/ha/năm.</li> <li>c) 04 mô hình trồng cây Trám đen với tổng quy mô 40 ha, bình quân 10 ha/mô hình; triển khai tại 02 tỉnh Phú Thọ và Lạng Sơn, mỗi tỉnh 02 mô hình: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau 24 tháng trồng: sinh trưởng bình quân đạt Hvn <math>\geq 1,0</math> m, D00 <math>\geq 1,0</math> cm.</li> <li>- Sau 30 tháng trồng: sinh trưởng bình quân đạt Hvn <math>\geq 1,5</math> m, D00 <math>\geq 1,5</math> cm.</li> </ul> </li> <li>2) 05 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ <math>\geq 80\%</math> sản phẩm của dự án.</li> <li>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</li> <li>4) Các hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, tin bài để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</li> <li>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</li> <li>6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.</li> </ul>
30	Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh Thông Caribe theo hướng kinh doanh gỗ lớn	- Phát triển mô hình trồng rừng thâm canh Thông Caribe theo hướng kinh doanh gỗ lớn sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao; nhằm nâng cao năng suất, chất lượng	1) Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh Thông Caribe. 2) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình.	Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai	2027-2029	1) 90 ha mô hình trồng rừng gỗ lớn thâm canh Thông Caribe theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, đáp ứng tối thiểu 18 chỉ số của VFCS/PEFC ST 1003:2019 tại 03 tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk và Gia Lai, mỗi tỉnh 02 mô hình, quy mô 15 ha/mô hình:

	tại một số tỉnh Tây Nguyên.	rừng trồng, gia tăng giá trị sản phẩm gỗ và hiệu quả kinh tế cho người sản xuất lâm nghiệp tại một số tỉnh Tây Nguyên. - Tăng cường áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tiên tiến trong trồng, chăm sóc và quản lý rừng trồng Thông Caribe gỗ lớn, góp phần hình thành và phát triển vùng nguyên liệu gỗ lớn theo hướng ổn định, hiệu quả và bền vững tại khu vực Tây Nguyên.	3) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông. 4) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ sống của mô hình: năm thứ nhất đạt <math>\geq 90\%</math>; năm thứ hai và năm thứ ba đạt <math>\geq 85\%</math></li> <li>- Rừng trồng sau 24 tháng tuổi đạt sinh trưởng bình quân <math>D00 \geq 3,0</math> cm, Hvn <math>\geq 1,2</math> m.</li> <li>- Rừng trồng sau 30 tháng tuổi đạt sinh trưởng bình quân <math>D00 \geq 4,0</math> cm, Hvn <math>\geq 2,0</math> m.</li> <li>- Hiệu quả kinh tế <math>\geq 30\%</math> so với trồng rừng gỗ nhỏ.</li> </ul> <p>2) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu đề nhân rộng.</p> <p>3) Các hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biên mô hình, tin bài để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>4) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>5) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.</p>
31	Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh Keo lá tràm sử dụng giống mới năng suất cao nhằm cung cấp gỗ lớn tại một số tỉnh Nam Bộ	- Phát triển mô hình trồng rừng thâm canh Keo lá tràm sử dụng các giống mới sinh trưởng nhanh, có năng suất cao theo hướng kinh doanh gỗ lớn, nhằm rút ngắn chu kỳ kinh doanh, tăng giá trị sản phẩm gỗ và cải thiện thu nhập cho người trồng rừng tại một số tỉnh Nam Bộ.	1) Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh Keo lá tràm sử dụng giống mới (Clt57, Clt26 và AA1) 2) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 3) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biên giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.	Cà Mau, An Giang	2027-2029	<p>1) 120 ha mô hình trồng rừng gỗ lớn thâm canh Keo lá tràm sử dụng giống mới (Clt57, Clt26 và AA1) áp dụng tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, đáp ứng tối thiểu 18 chỉ số của VFCS/PEFC ST 1003:2019 tại 02 tỉnh Cà Mau và An Giang, mỗi tỉnh 02 mô hình, quy mô 30 ha/mô hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ sống của các mô hình: năm thứ nhất đạt <math>\geq 90\%</math>; năm thứ hai và năm thứ ba đạt <math>\geq 85\%</math></li> <li>- Sau 24 tháng trồng: sinh trưởng bình quân đạt <math>D1.3 \geq 4</math> cm, Hvn <math>\geq 4,0</math> m; năng suất đạt <math>\geq 10</math> m<sup>3</sup>/ha/năm.</li> </ul>

		<p>- Hoàn thiện và nhân rộng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và quản lý rừng trồng Keo lá tràm gỗ lớn theo hướng thâm canh, hiệu quả; góp phần phát triển vùng nguyên liệu gỗ lớn tập trung, đáp ứng nhu cầu chế biến và hướng tới sản xuất lâm nghiệp bền vững tại khu vực Nam Bộ.</p>	<p>4) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>			<p>- Sau 30 tháng trồng: sinh trưởng bình quân đạt <math>D1.3 \geq 7</math> cm, Hvn <math>\geq 8,0</math> m; năng suất đạt <math>\geq 20</math> m<sup>3</sup>/ha/năm.  - Hiệu quả kinh tế <math>\geq 30\%</math> so với trồng rừng gỗ nhỏ.  2) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.  3) Các hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, tin bài để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.  4) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.  5) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.</p>
32	<p>Xây dựng mô hình sản xuất một số cây dược liệu (Sa nhân tím, Ba kích, Gừng, Đinh lăng) theo tiêu chuẩn GACP-WHO gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm</p>	<p>- Phát triển mô hình sản xuất một số cây dược liệu chủ lực theo tiêu chuẩn GACP-WHO nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm dược liệu.  - Thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ dược liệu giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp chế biến, góp phần phát triển vùng nguyên liệu dược liệu ổn định phục vụ chế biến và thị trường trong nước.</p>	<p>1) Xây dựng mô hình trình diễn trồng cây Sa nhân tím, Ba kích, Ba kích, Gừng và Đinh lăng.  2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh liên kết tiêu thụ sản phẩm.  3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình.  4) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.  5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	<p>Cao Bằng, Tuyên Quang, Phú Thọ, Ninh Bình</p>	<p>2027-2029</p>	<p>1) 100 ha mô hình trồng Sa nhân tím, Gừng Ba kích và Đinh lăng theo hướng GACP-WHO; hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 15% so với sản xuất ngoài mô hình, trong đó:  a) 40 ha mô hình trồng cây Sa nhân tím tại 02 tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang, mỗi tỉnh 02 mô hình, quy mô 10 ha/mô hình :  - Tỷ lệ sống: Năm thứ nhất đạt <math>\geq 90\%</math>, năm thứ hai đạt <math>\geq 85\%</math>, năm thứ ba đạt <math>\geq 80\%</math>.  - Sinh trưởng của mô hình: sau 24 tháng trồng, chiều cao cây bình quân đạt <math>\geq 1,2</math> m, số chồi bình quân đạt <math>\geq 6</math> chồi/bụi; sau 30 tháng trồng, chiều cao cây bình quân đạt <math>\geq 1,5</math> m, số chồi bình quân đạt <math>\geq 8</math> chồi/bụi, tỷ lệ bụi có hoa, quả đạt <math>\geq 20\%</math>.  b) 20 ha mô hình trồng cây Ba Kích tại 02 tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang, mỗi tỉnh 01 mô hình, quy mô 10 ha/mô hình:</p>

					<p>- Tỷ lệ sống: Năm thứ nhất đạt <math>\geq 90\%</math>, năm thứ hai đạt <math>\geq 85\%</math>, năm thứ ba đạt <math>\geq 80\%</math>.</p> <p>- Sinh trưởng và năng suất của mô hình: sau 24 tháng trồng, sinh trưởng bình quân đạt <math>D_{00} \geq 0,6</math> cm, chiều dài thân chính <math>\geq 2,0</math> m; năng suất củ tươi bước đầu xác định qua cây mẫu đạt <math>\geq 0,2</math> kg/cây. Sau 30 tháng trồng, sinh trưởng bình quân đạt <math>D_{00} \geq 0,8</math> cm, chiều dài thân chính <math>\geq 2,3</math> m; năng suất củ tươi sơ bộ đạt <math>\geq 0,3</math> kg/cây.</p> <p>c) 20 ha mô hình trồng cây Gừng tại 02 tỉnh Phú Thọ và Ninh Bình, mỗi tỉnh 02 mô hình, quy mô 5 ha/mô hình:</p> <p>- Tỷ lệ sống của mô hình: sau 02 tháng trồng đạt <math>\geq 85\%</math>.</p> <p>- Chỉ tiêu năng suất: khối lượng củ tươi bình quân đạt <math>\geq 200</math> g/củ; năng suất củ tươi đạt 15–20 tấn/ha.</p> <p>d) 20 ha mô hình trồng cây Đinh lăng tại 02 tỉnh Phú Thọ và Ninh Bình, mỗi tỉnh 02 mô hình, quy mô 5 ha/mô hình:</p> <p>- Tỷ lệ sống của mô hình: sau 06 tháng trồng đạt <math>\geq 90\%</math>; sau 12 tháng trồng đạt <math>\geq 85\%</math>; sau 24 tháng trồng đạt <math>\geq 80\%</math>.</p> <p>- Sinh trưởng và năng suất của mô hình: Sau 12 tháng trồng, chiều cao cây <math>\geq 0,7</math> m, đường kính thân gốc (<math>D_{00}</math>) <math>\geq 0,7</math> cm; sau 24 tháng trồng, chiều cao cây <math>\geq 1,0</math> m, đường kính thân gốc (<math>D_{00}</math>) <math>\geq 1,2</math> cm; khối lượng củ tươi bình quân đạt 0,8 - 1,0 kg/cây; sau 30 tháng trồng, khối lượng củ tươi bình quân đạt 1,1-1,3 kg/cây, tương đương năng suất đạt khoảng 8–10 tấn/ha.</p>
--	--	--	--	--	---

						<p>2) 04 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ <math>\geq 80\%</math> sản phẩm của dự án</p> <p>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p> <p>4) Các hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, tin bài để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>5) Nhân rộng mô hình <math>\geq 20\%</math> so với quy mô dự án được phê duyệt.</p> <p>6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.</p>
33	Xây dựng mô hình vườn ươm sản xuất cây giống lâm nghiệp chất lượng cao phục vụ trồng rừng gỗ lớn theo hướng bền vững	<p>- Góp phần chủ động sản xuất và cung ứng giống Keo lai nuôi cấy mô chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trồng rừng, đồng thời tạo cơ sở phát triển vùng nguyên liệu gỗ lớn theo hướng ổn định, bền vững, phục vụ chế biến trong nước và xuất khẩu.</p> <p>- Nâng cao năng lực và vai trò của hợp tác xã, doanh nghiệp trong liên kết sản xuất giống, trồng rừng, quản lý rừng bền vững, hỗ trợ cấp chứng chỉ FSC và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị lâm nghiệp.</p>	<p>1) Xây dựng mô hình trình diễn vườn ươm sản xuất cây giống Keo lai mô.</p> <p>2) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình.</p> <p>3) Thông tin, tuyên truyền: hội nghị, hội thảo, biển giới thiệu mô hình, tin bài, video clip, ấn phẩm truyền thông.</p> <p>4) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở.</p>	Phú Thọ, Tuyên Quang, Nghệ An, Quảng Trị	2027-2029	<p>1) 07 vườn ươm sản xuất cây giống (01 vườn cho tỉnh Quảng Trị, 02 vườn cho các tỉnh còn lại) với quy mô diện tích 1.000 m<sup>2</sup>/vườn, đảm bảo chất lượng với năng suất đạt <math>\geq 500.000</math> cây/năm. Hướng dẫn cho người dân thành thực trong việc ươm cây con từ cây mầm Keo lai mô.</p> <p>2) 04 mô hình tổ chức quản lý sản xuất, liên kết hợp tác xã với doanh nghiệp. Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng <math>\geq 15\%</math> so với sản xuất thông thường.</p> <p>3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham gia mô hình có nhu cầu để nhân rộng.</p> <p>4) Các hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.</p> <p>5) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.</p>

